

**SỞ Y TẾ ĐẮK LẮK
TRUNG TÂM Y TẾ CƯ M'GAR**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 079 /YCBG – TTYT
V/v mời chào giá các mặt hàng hoá
chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế
năm 2026 của Trung tâm y tế Cư
M'gar

Quảng Phú, ngày 31 tháng 7 năm 2026

YÊU CẦU BÁO GIÁ⁽¹⁾

**Kính gửi: Các cơ sở sản xuất, kinh doanh, nhà cung cấp hoá chất, vật tư xét nghiệm,
thiết bị y tế**

Trung tâm y tế Cư M'gar có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: Mua sắm hoá chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế năm 2026, Dự toán: Mua sắm hoá chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế năm 2026 phục vụ công tác khám sức khoẻ định kỳ/ khám sàng lọc cho người dân của Trung tâm y tế Cư M'gar với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm y tế Cư M'gar, Số 78 Cách Mạng Tháng 8, xã Quảng Phú, Tỉnh Đắk Lắk.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: .

Nguyễn Thị Hiền – Chức vụ: Văn thư

Địa chỉ: Số 78 Cách Mạng Tháng 8, Xã Quảng Phú, Tỉnh Đắk Lắk.

Điện thoại: 02623834133 - 0989325259

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Theo một trong các cách thức sau:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Văn thư Trung tâm y tế Cư M'gar, Số 78 Cách Mạng Tháng 8, Xã Quảng Phú, Tỉnh Đắk Lắk.

- Nhận qua email: vanthu.ttytcumgar@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 14h 00 phút ngày 31 tháng 7 năm 2026 đến trước 14 giờ 30 phút ngày 10 tháng 8 năm 2026 ⁽²⁾

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hàng hoá:

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Qui cách đồng gói	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Hoá chất định lượng men gan ALT $\geq$ 300 mL	Định lượng ALT trong huyết thanh và huyết tương . Thành phần:	R1: 4x50ml,	hộp	33	

		R1: TRIS Buffer pH 7.3 200 mmol/l L-Alanine 815 mmol/l Lactate Dehydrogenase (LDH) 8400 U/l R2: α-Ketoglutarate 94 mmol/l NADH 0.23 mmol/l Dải đo: 3.5 U/L - 1000 U/L. Đạt tiêu chuẩn ISO13485 Tương thích với máy sinh hóa Au480	R2: 4x25ml			
2	Hoá chất định lượng men gan AST $\geq$ 200 mL	Định lượng AST trong huyết thanh và huyết tương . Thành phần: R1: TRIS Buffer pH 7.8 397 mmol/l L-Aspartate 1.04 mol/l Malate Dehydrogenase MDH 4150 U/l Lactate Dehydrogenase LDH 16600 U/L R2: α-Ketoglutarate 75 mmol/l NADH 0.23 mmol/l Dải đo: 2.1 U/L - 1000U/L Đạt tiêu chuẩn ISO13485 Tương thích với máy sinh hóa Au480	R1: 4x25ml, R2: 4x25ml	hộp	33	
3	Hoá chất định lượng Creatinine $\geq$ 735 mL	Định lượng Creatinine trong huyết thanh và huyết tương . Thành phần: R1: Goods buffer pH 7.5 25 mmol/l TOPS 0.5 mmol/l Creatinase 10 KU/ml Sarcosine oxidase 5 KU/ml Catalase 3 KU/ml R2: Goods buffer pH 7.5 90 mmol/l Aminoantipyrine 0.6 mmol/l Creatininase 30 KU/ml Peroxidase 5 KU/ml Sodium Azide 0.5g/l Dải đo: 1.3 μmol/L - 1520 μmol/l. Đạt tiêu chuẩn ISO13485 Tương thích với máy sinh hóa Au480	R1: 7x70ml, R2: 7x35ml	hộp	33	
4	Hoá chất định lượng Glucose $\geq$ 148 mL	Định lượng Glucose trong huyết thanh và huyết tương . Thành phần: R1: PIPES Buffer pH 7.4 144 mmol/l	R1: 4x25ml, R2: 4x12ml	hộp	33	

TRU
Y
CU
3

		ATP 6 mmol/l NADP 3.2mmol/l Mg ²⁺ 15.74 mmol/l R2: Hexokinase $\geq$ 4500 U/l G6P-DH $\geq$ 14000 U/l Dải đo: 0.02 mmol/L - 53.5 mmol/L Đạt tiêu chuẩn ISO13485 Tương thích với máy sinh hóa Au480				
5	Hoá chất định lượng Urea $\geq$ 480 mL	Định lượng Urea trong huyết thanh và huyết tương . Thành phần: R1: TRIS Buffer pH 7.02 225 mmol/l a KG 31 mmol/l ADP 1.88 mmol/l GLDH 600 U/l Urease 30 KU/L R2: AMP 100 mmol/l NADH 0.85 mmol/l Dải đo: 0.9 mmol/L - 49.6 mmol/L Đạt tiêu chuẩn ISO13485 Tương thích với máy sinh hóa Au480	R1: 4x60ml, R2: 4x60ml	hộp	33	
6	Dung dịch ly giải màng hồng cầu để đo Hemoglobin $\geq$ 250mL	Dùng làm chất ly giải cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lý: Chất lỏng Màu: không Mùi: nhẹ Độ pH: 7.0 đến 7.6 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Dodecyltrimethylammonium chloride: < 3.0%, Cetrimonium chloride: < 0.1%, Citric acid monohydrate: < 2.0% Tương thích với máy huyết học Celltac G	250 ml/hộp	hộp	32	
7	Dung dịch ly giải màng hồng cầu cho máy xét nghiệm huyết học 5 thành phần bạch cầu $\geq$ 250mL	Dùng làm chất ly giải cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lý: Chất lỏng Màu: không Mùi: không Độ pH: 8.0 đến 8.6 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Sodium alkyl ether sul phate: 0.11% Tương thích với máy huyết học Celltac G	250 ml / Hộp	hộp	32	
8	Dung dịch rửa cho máy xét nghiệm huyết	Dùng làm chất rửa cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lý: chất lỏng	2 lít/Hộp	hộp	9	

	học 5 thành phần Bạch cầu ≥ 2 lit	Màu: xanh dương Mùi: nhẹ Độ pH: 8.0 đến 8.6 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Sodium alkyl ether sul phate: 0.069% Tương thích với máy huyết học Celltac G				
9	Dung dịch rửa đậm đặc cho máy xét nghiệm huyết học 5 thành phần Bạch cầu ≥ 45 mL	Dùng làm chất rửa cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lý: chất lỏng Màu: vàng hoặc vàng-xanh lá Mùi: khó chịu (clo) Độ pH: 10 đến 13 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Sodium hypochlorite: 6.1%, Sodium hydroxide $<0.5\%$ Tương thích với máy huyết học Celltac G	3 x 15 ml/Hộp	hộp	3	
10	Dung dịch pha loãng cho xét nghiệm huyết học ≥ 18 lit	Dùng để pha loãng máu cho đếm tế bào Trạng thái vật lý: chất lỏng Màu: không Mùi: không Độ pH: 7.35 đến 7.55 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Natri clorid, Sulfate Tương thích với máy huyết học Celltac G	18 lít/Thùng	thùng	140	
11	Dung dịch nội kiểm mức thường, dùng cho máy xét nghiệm huyết học 5 thành phần bạch cầu ≥ 3 mL	Dùng để QC máy Thành phần: Chứa hồng cầu người, bạch cầu bị kích thích và tiểu cầu của động vật có vú Tương thích với máy huyết học Celltac G	3ml/lọ	lọ	2	
12	Dung dịch nội kiểm mức cao dùng cho máy xét nghiệm huyết học 5 thành phần bạch cầu ≥ 3 mL	Dùng để QC máy Thành phần: Chứa hồng cầu người, bạch cầu bị kích thích và tiểu cầu của động vật có vú Tương thích với máy huyết học Celltac G	3ml/lọ	lọ	2	
13	Dung dịch nhuộm dùng để các bạch cầu trung tính, lympho, mono và ưa axit ≥ 84 ml	Công dụng: sử dụng để đánh dấu các bạch cầu trong các mẫu máu đã được pha loãng và ly giải nhằm phân loại các thành phần bạch cầu Thành phần: Polymethine 0.002%; methanol 3.0%; Ethylene Glycol 96.9%	42ml x 2	Hộp	6	

		Xuất xứ: các nước thuộc G7 Quy cách : Hộp/42ml x 2 Tương thích với máy huyết học Sysmex XN330				
14	Hóa chất rửa dùng cho máy xét nghiệm huyết học >=80ml	Công dụng: dung dịch kiềm mạnh dùng để rửa hệ thống Thành phần: Sodium Hypochloride 5.0% Xuất xứ: các nước thuộc G7 Quy cách : Hộp/4mL x 20 Tương thích với máy huyết học Sysmex XN330	4mL x 20	Hộp	4	
15	Dung dịch đo hemoglobin >=1500ml	Công dụng: sử dụng để đo nồng độ hemoglobin trong máu Thành phần: Sodium lauryl sulfate 1.7 g/L Quy cách : Hộp/ 500ml x 3 Tương thích với máy huyết học Sysmex XN330	500ml x 3	Hộp	8	
16	Dung dịch ly giải dùng để đếm các bạch cầu trung tính, lympho, mono và ưa axit >=5000ml	Công dụng: sử dụng để đếm số lượng các loại bạch cầu: neutrophils, lymphocytes, eosinophils, monocytes Thành phần: Organic quaternary ammonium salts 0.07%; Nonionic surfactant 0.17% Quy cách : Thùng/ 5L x 1 Tương thích với máy huyết học Sysmex XN330	5L x 1	thùng	10	
17	Dung dịch pha loãng dùng cho máy huyết học >=20.000ml	Công dụng: sử dụng để đo số lượng, kích thước hồng cầu và tiểu cầu, cũng là chất ly giải để đo Hemoglobin, và là dung dịch tạo dòng cho phương pháp đo tế bào dòng chảy Thành phần: Sodium chloride 0.7%; Tris buffer 0.2%; EDTA-2K 0.02% Quy cách :Thùng/ 20L x 1 Tương thích với máy huyết học Sysmex XN330	20L x 1	thùng	55	
18	Chất chuẩn huyết học mức 2 >=3ml	Vật liệu kiểm soát mức 2 cho công thức máu toàn phần CBC Thành phần: bao gồm tế bào hồng cầu ở người, tế bào bạch cầu ở người, hồng cầu nhân và tiểu cầu Xuất xứ: các nước thuộc G7 Quy cách : Lọ/ 3.0mL x 1 Tương thích với máy huyết học Sysmex XN330	3.0mL x 1	lọ	3	

ĐKK
L.1

19	Chất chuẩn huyết học mức $3 \geq 3\text{ml}$	Vật liệu kiểm soát mức 3 cho công thức máu toàn phần CBC Thành phần: bao gồm tế bào hồng cầu ở người, tế bào bạch cầu ở người, hồng cầu nhân và tiểu cầu Xuất xứ: các nước thuộc G7 Quy cách : Lọ/ 3.0mL x 1 Tương thích với máy huyết học Sysmex XN330	3.0mL x 1	lọ	3	
20	Chất chuẩn huyết học mức $1 \geq 3\text{ml}$	Vật liệu kiểm soát mức 1 cho công thức máu toàn phần CBC Thành phần: bao gồm tế bào hồng cầu ở người, tế bào bạch cầu ở người, hồng cầu nhân và tiểu cầu Quy cách : Lọ/3.0mL x 1 Tương thích với máy huyết học Sysmex XN330	3.0mL x 1	lọ	3	
21	Chất hiệu chuẩn cho máy xét nghiệm huyết học $\geq 3\text{ml}$	Chất hiệu chuẩn cho máy huyết học, bao gồm các thông số WBC, RBC, HGB, HCT, PLT, RET Xuất xứ: các nước thuộc G7 Quy cách : Lọ/3.0mL x 1 Tương thích với máy huyết học Sysmex XN330	3.0mL x 1	lọ	1	
22	Dung dịch rửa dùng cho xét nghiệm điện giải trên máy sinh hóa $\geq 450 \text{ mL}$	Dùng để làm sạch các thành phần điện giải trên hệ thống máy sinh hoá . Tiêu chuẩn: ISO13485 Tương thích với máy sinh hoá AU480	450ml	chai	2	

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: Trung tâm y tế Cư M'gar, Số 78 Cách Mạng Tháng 8, Xã Quảng Phú, Tỉnh Đắk Lắk.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: 12 tháng (Theo dự trù từng đợt của Trung tâm y tế)

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Không tạm ứng, thanh toán theo hình thức chuyển khoản

5. Các thông tin khác:

- Tất cả các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan.

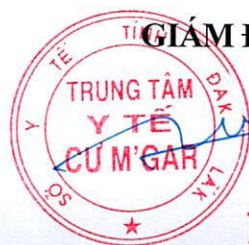
Đơn giá đã bao gồm thuế VAT, chi phí vận chuyển.

Rất mong được sự quan tâm của các Quý công ty sản xuất, kinh doanh./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT.



Phan Ngọc Lương

Phụ lục Mẫu báo giá

(Kèm theo Yêu cầu báo giá số 079/YCBG-TTYT ngày 31/7/2026 của Trung tâm Y tế Cư M'gar)

TÊN CÔNG TY**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập-Tự do-Hạnh phúc****BÁO GIÁ**

Trên cơ sở yêu cầu báo giá số 079/YCBG-TTYT ngày 31/7/2026 của Trung tâm Y tế Cư M'gar, chúng tôi..... **[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp;** Trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các hàng hóa như sau:

1. Báo giá cho hàng hóa và dịch vụ liên quan:

STT	Tên hàng hóa (2)	Tên thương mại (nếu có) (3)	1. Chủng loại (Model)/Mã sản phẩm/Ký mã hiệu/Nhãn hiệu (4)	Hãng sản xuất/Nước sản xuất (5)	Năm sản xuất (6)	Cấu hình, tính năng, thông số kỹ thuật (7)	Đơn vị tính (8)	Số lượng(9)	Đơn giá (bao gồm VAT) (10)	Thành tiền (VND) (11)
1										
2										
...										

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế).

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng:..... ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 120 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Hạch toán tài chính độc lập.
- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản.
- Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
- Giá trị của các hàng hóa nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin cung cấp trong Báo giá là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đó.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp (12)

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú (12).

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi tên hàng hóa theo đúng yêu cầu ghi tại cột “ Tên hàng hóa” trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể “Tên thương mại” của hàng hóa trong Yêu cầu báo giá.



- (4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể Chung loại (Model)/Mã sản phẩm/Ký mã hiệu/Nhãn hiệu tương ứng với Chung loại (Model)/Mã sản phẩm/Ký mã hiệu/Nhãn hiệu của hàng hóa ghi tại cột “Tên hàng hóa”.
- (5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể Hãng sản xuất-Nước sản xuất, năm sản xuất của hàng hóa.
- (7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin về Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản của hãng sản xuất phù hợp với thông tin tại Phụ lục 1 Bảng mô tả danh mục hàng hóa của yêu cầu báo giá.
- (8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể đơn vị tính.
- (9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng theo đúng số lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.
- (10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá (bao gồm VAT) tương ứng với từng hàng hóa.
- (11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng hàng hóa. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng hàng hóa (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.
- (12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.
- Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

